

*Mỏ Cày Nam, ngày 11 tháng 3 năm 2020*

Số: 18/2020/QĐST – DS

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 03 tháng 3 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án thụ lý số: 301/2019/TLST – DS, ngày 14 tháng 8 năm 2019, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**XÉT THẤY:**

Thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

*\* Nguyên đơn:*

1. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1962; địa chỉ cư trú: ấp B, xã C, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1961; địa chỉ cư trú: ấp B, xã C, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1962; địa chỉ cư trú: ấp B, xã C, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Văn bản ủy quyền đề ngày 25/02/2020.

3. Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: ấp Ph, xã C, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

4. Bà Trần Thị Hồng Ch, sinh năm 1982; địa chỉ cư trú: ấp Ph, xã C, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

5. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: ấp Ph, xã C, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

6. Bà Nguyễn Thị Hồng Th, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: ấp Ph, xã C, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn P, bà Trần Thị Hồng Ch, ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Hồng Th: Ông Trần Thanh G, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: 78A ấp Phú Thạnh, xã Phú Túc, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Các văn bản ủy quyền đề cùng ngày 02/3/2020.

*\* Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1960

2. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1956

Cùng địa chỉ cư trú: ấp Ph, xã C, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị M: Ông Đinh Văn N, sinh năm 1977; Địa chỉ cư trú: 305/68 ấp L, xã L1, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Văn bản ủy quyền đề ngày 27/8/2019 (đối với vụ kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Hồng Th); Văn bản ủy quyền đề ngày 05/7/2019 (vụ kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị M); Văn bản ủy quyền đề ngày 05/7/2019 (vụ kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn P, bà Trần Thị Hồng Ch).

## **2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Hồng Th số tiền vay tài sản còn thiếu là 3.050.000.000 đồng (Ba tỉ không trăm năm mươi triệu đồng), trả khi quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự mà Tòa án ban hành có hiệu lực pháp luật.

Đối với tiền lãi chậm trả đến giai đoạn hòa giải, ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Hồng Th không yêu cầu ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị M trả.

- Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn P và bà Trần Thị Hồng Ch số tiền vay tài sản còn thiếu là 1.950.000.000 đồng (Một tỉ chín trăm năm mươi triệu đồng), trả khi quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự mà Tòa án ban hành có hiệu lực pháp luật.

Đối với tiền lãi chậm trả đến giai đoạn hòa giải, ông Nguyễn Văn P và bà Trần Thị Hồng Ch không yêu cầu ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị M trả.

- Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T số tiền vay tài sản còn thiếu là 2.211.000.000 đồng (Hai tỉ hai trăm mười một triệu đồng), trả khi quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự mà Tòa án ban hành có hiệu lực pháp luật.

Đối với tiền lãi chậm trả đến giai đoạn hòa giải, ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T không yêu cầu ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị M trả.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền đến hạn phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

### **- Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:**

+ Số tiền án phí dân sự có giá ngạch: 46.500.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu năm trăm ngàn đồng - đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Hồng Th), ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị M tự nguyện liên đới chịu.

+ Số tiền án phí dân sự có giá ngạch: 35.250.000 đồng (Ba mươi lăm triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng - đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P và bà Trần Thị Hồng Ch), ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị M tự nguyện liên đới chịu.

+ Số tiền án phí dân sự có giá ngạch: 38.110.000 đồng (Ba mươi tám triệu một trăm mười ngàn đồng - đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ và

bà Nguyễn Thị T), ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị M tự nguyện liên đới chịu.

Tổng cộng số tiền án phí dân sự có giá ngạch mà ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị M phải nộp là: 119.860.000 đồng (Một trăm mười chín triệu tám trăm sáu mươi ngàn đồng). Tuy nhiên, do bà Nguyễn Thị M có đơn xin miễn nộp án phí do là người cao tuổi (Bà Nguyễn Thị M sinh ngày 10/7/1956) nên được xét miễn theo điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Riêng ông Nguyễn Văn H, mặc dù ông Nguyễn Văn H có đơn xin miễn nộp án phí nhưng không đủ điều kiện được xét miễn (Lý do: ông Nguyễn Văn H sinh ngày 20/6/1960, chưa đủ 60 tuổi theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi: “Điều 2. Người cao tuổi được quy định trong Luật này là công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên”).

Do đó, buộc ông Nguyễn Văn H phải nộp  $\frac{1}{2}$  số tiền án phí dân sự có giá ngạch là: 119.860.000 đồng / 2 = 59.930.000 đồng (Năm mươi chín triệu chín trăm ba mươi ngàn đồng).

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Hồng Th số tiền tạm ứng án phí 46.500.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006332, ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn P và bà Trần Thị Hồng Ch số tiền tạm ứng án phí 35.250.000 đồng (Ba mươi lăm triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003767, ngày 23 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí 38.110.000 đồng (Ba mươi tám triệu một trăm mười ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003769, ngày 23 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam.

Các đương sự không còn yêu cầu, thỏa thuận nào khác, không xem xét.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhân:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- CC.THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu HS.

**Thẩm phán**

*Đã ký*

**Đỗ Thúy Hằng**